

Số: 01/2025/QĐST-VHNGĐ

Nam Đàn, ngày 04 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
V/v “Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Đặng Thị Phương

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số: 01/2025/QĐ-VDS ngày 18 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Anh Văn Hữu N, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Thôn Hiệp Đồng, xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tạ Quang A, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: Thôn Hiệp Đồng, xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo nội dung đơn yêu cầu, quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình, người yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N trình bày như sau:

Năm 2013, chị Nguyễn Thị T và anh Tạ Quang A kết hôn với nhau, có

đăng ký tại UBND xã Khánh S, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống, chị T và anh Á có 02 con chung là Tạ Quang Đ, sinh ngày 01/5/2012 và Tạ Thị Thảo U, sinh ngày 09/7/2015. Do vợ chồng không còn tình cảm nên chị T và anh Ánh đã sống ly thân từ năm 2018, chị T chuyển vào sinh sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương. Trong thời gian ly thân, chị T đã quen biết và chung sống như vợ chồng với anh Văn Hữu N. Ngày 30/8/2024, chị Nguyễn Thị T và anh Tạ Quang A ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Anh Văn Hữu N và chị Đỗ Thị L kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thường Thắng, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc G. Vợ chồng có một con chung là Văn Thị Hồng D, sinh ngày 09/8/2017. Anh Văn Hữu N và chị Đỗ Thị L chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân, anh Năm đi vào tỉnh Bình Dương sinh sống, làm việc. Tại đây, anh N quen biết và chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị T. Năm 2023, anh Văn Hữu N và chị Đỗ Thị L ly hôn theo Bản án số 71/2023/HNGĐ-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N có sinh được hai người con chung là 01 bé gái sinh ngày 26/8/2022 (dự định đặt tên con là Nguyễn Thị Thu Hồng, theo họ của chị T) và 01 bé trai sinh ngày 03/4/2024 (dự định đặt tên con là Văn Hải Đ, theo họ của anh Năm). Do cả hai con đều được sinh ra trong thời gian chị T, anh Năm đang trong thời kỳ hôn nhân với người khác, nên đến nay các bé vẫn chưa được cấp giấy khai sinh. Vì vậy, chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N yêu cầu Tòa án xác định: Anh Văn Hữu N, sinh năm 1982 là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2022 và cháu Văn Hải Đăng, sinh ngày 03/4/2024; chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Thị Thu Hồng, sinh ngày 26/8/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tạ Quang A trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị T đúng như chị T đã trình bày. Anh Ánh và chị T chỉ có 02 người con chung là Tạ Quang Đạt, sinh ngày 01/5/2012 và Tạ Thị Thảo Uyên, sinh ngày 09/7/2015, ngoài ra không có người con chung nào khác. Anh Ánh được biết trong thời kỳ hôn nhân, khi anh và chị T ly thân, chị T đã sinh 02 người con với người đàn ông khác; hai cháu bé này không phải con của anh Ánh. Nay chị T yêu cầu xác định cha, mẹ cho hai cháu bé này, anh Ánh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung của chị và anh Văn Hữu N đúng như anh Năm đã trình bày. Chị Lan và anh Năm chỉ có 01 người con chung là cháu Văn Thị Hồng Diễm, sinh ngày 09/8/2017, ngoài ra không có người con chung nào khác. Trong

thời kỳ hôn nhân, khi chị và anh Năm sống ly thân, anh Năm đã có 02 người con với người phụ nữ khác, hai cháu bé này không phải con của chị Lan. Đối với việc yêu cầu xác định cha, mẹ cho hai cháu bé này, chị Lan không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền thụ lý việc hôn nhân gia đình, xác định chứng cứ, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu, việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 366, 367, 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của anh Văn Hữu N và chị Nguyễn Thị T về việc xác định cha, mẹ cho con: Công nhận anh Văn Hữu N là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2022 và cháu Văn Hải Đăng, sinh ngày 03/4/2024; Chị Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2022.

Về lệ phí: Miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N yêu cầu xác định cha, mẹ cho con. Chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đây là việc hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên họp, chị Nguyễn Thị T, anh Văn Hữu Nam, anh Tạ Quang A, chị Đỗ Thị L đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu giải quyết:

2.1. Về quyền yêu cầu xác định cha cho con: Chị Nguyễn Thị T và anh Văn

Hữu N yêu cầu xác định anh Văn Hữu N là cha đẻ của hai con Nguyễn Thị Thu H và Văn Hải Đ; xác định chị Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của con Nguyễn Thị Thu H là đúng theo quy định tại Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về yêu cầu xác định cha, mẹ cho con:

Căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 16/12/2024 của chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N, bản tự khai trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng thời gian từ năm 2018, giữa chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N có phát sinh tình cảm nam nữ, sống chung như vợ chồng. Trong thời gian chung sống với anh N, chị Nguyễn Thị T sinh được 02 người con là cháu Nguyễn Thị Thu Hồng, sinh ngày 26/8/2022 và cháu Văn Hải Đ, sinh ngày 03/4/2024 (cháu Văn Hải Đ có Giấy chứng sinh số 00467.GCS.24007.24, số 18/4, quyển số 4/2024 của Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang). Tại thời điểm sinh 02 người con này, chị Nguyễn Thị T đang trong thời kỳ hôn nhân với anh Tạ Quang A; anh Văn Hữu N đang trong thời kỳ hôn nhân với chị Đỗ Thị L. Tuy nhiên, anh Tạ Quang A và chị Đỗ Thị L đều khẳng định hai cháu bé này không phải con của mình.

Tại Phiếu kết quả phân tích AND ngày 18/10/2024 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis xác định: Anh Văn Hữu N, sinh năm 1982, số CCCD: 024082016027 cùng với cháu Nguyễn Thị Thu Hồng, sinh ngày 26/8/2022 và cháu Văn Hải Đăng, sinh ngày 03/4/2024 có quan hệ huyết thống: Cha – Con.

Tại Phiếu kết quả phân tích AND ngày 11/10/2024 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis xác định: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994, số CCCD: 040194032997 cùng với cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2022 có quan hệ huyết thống: Mẹ - Con.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ để xác định anh Văn Hữu N, chị Nguyễn Thị T là cha đẻ, mẹ đẻ của cháu Nguyễn Thị Thu Hồng; anh Văn Hữu N là cha đẻ của cháu Văn Hải Đăng. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N là có căn cứ, đúng quy định nên cần chấp nhận.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N được miễn lệ phí theo quy định pháp luật.

[4] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn

nhân và gia đình; Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Văn Hữu N và chị Nguyễn Thị T về việc xác định cha, mẹ cho con. Tuyên bố:

Anh Văn Hữu N là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Thu Hồng, sinh ngày 26/8/2022 và cháu Văn Hải Đăng, sinh ngày 03/4/2024 (Giấy chứng sinh số 00467.GCS.24007.24, số 18/4, quyền số 4/2024 của Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang).

Chị Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26/8/2022.

Sau khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị T, anh Văn Hữu N có quyền, nghĩa vụ liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục hộ tịch cho cháu Nguyễn Thị Thu Hồng và cháu Văn Hải Đăng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị T và anh Văn Hữu N được miễn số tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: HSVDS; VPTA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đặng Thị Phương